

Số: 18 /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ,
chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày
25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn cụ thể của
từng chức vụ cán bộ, chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh;
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPTU, các Ban của Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các Tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ, chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương

*(Kèm theo Quyết định số 18 /2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ, từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ CỦA TỪNG CHỨC VỤ CÁN BỘ, CHỨC DANH CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

Cán bộ cấp xã phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Ngoài ra, còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ như sau:

1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy áp dụng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân áp dụng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam áp dụng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

4. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

a) Độ tuổi: Giữ chức vụ không quá 35 tuổi;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên;

d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. Trường hợp chưa có trình độ lý luận chính trị theo quy định thì trong thời hạn 05 năm kể từ khi có Quyết định chuẩn y giữ chức vụ Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của cơ quan có thẩm quyền phải hoàn thiện trình độ lý luận chính trị theo quy định;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Ban Chấp hành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam

a) Độ tuổi:

- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc quân nhân phục viên, xuất ngũ: tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Lao động; các Nghị định của Chính phủ và quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là người nghỉ hưu hoặc hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội hàng tháng, độ tuổi tham gia lần đầu, tái cử theo Hướng dẫn của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên;

d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, hướng dẫn Thi hành Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể từng chức danh công chức cấp xã

Công chức cấp xã phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Ngoài ra, từng chức danh còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

1. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã phải đáp ứng thêm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Công chức Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội phải đáp ứng thêm tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Ngoài ra, công chức Tư pháp - hộ tịch phải có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch. Nếu chưa có chứng chỉ, chứng nhận

thì trong thời hạn 12 tháng kể từ khi có quyết định tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền phải hoàn thiện tiêu chuẩn này.

Điều 5. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Công chức Văn phòng - thống kê: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành về Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Luật, Văn thư - lưu trữ, Thống kê, Công nghệ thông tin, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước phù hợp với vị trí việc làm của chức danh công chức;

2. Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành về Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Quản lý đô thị và công trình, Nông nghiệp phù hợp với vị trí việc làm của chức danh công chức;

3. Công chức Tài chính - kế toán: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành về Tài chính, Kế toán, Kiểm toán phù hợp với vị trí việc làm của chức danh công chức;

4. Công chức Tư pháp - hộ tịch: Tốt nghiệp đại học trở lên các ngành về Luật;

5. Công chức Văn hóa - xã hội: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành về Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Công tác xã hội; Thông tin - thư viện, Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Quản lý thể dục thể thao phù hợp với vị trí việc làm của chức danh công chức.

6. Công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở trở lên.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của sở, ban, ngành

Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; công chức cấp xã được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn tại quy định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định này. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì thực hiện

chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc bị thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các Sở ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.